

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **141/2020/DSST**  
Ngày: 14/8/2020

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Tâm.**

2. Ông **Trần Văn Trang.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Ngọc Hạnh.**

Trong ngày **14** tháng **8** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **175/2020/TLST-DS** ngày **23/6/2020** về tranh chấp: “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **44/2020/QĐXXST-DS** ngày **22/7/2020** giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị Đ**, (thường gọi là NH) sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã TĐ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

\* *Bị đơn:* Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1962. (có mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã BA, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 09/6/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trương Thị Đ trình bày:*

Bà có mua hui do bà Trương Thị T làm đầu thảo. Năm 2019, bà mua của bà Trương Thị T 08 phần hui trong đây hui khai ngày 18/01/2019 al. Cụ thể:

- Lần 1: bà mua 02 phần 46.000.000 đồng, nếu mãi bà sẽ nhận được số tiền 80.000.000 đồng.

- Lần 2: bà mua 01 phần giá 24.700.000 đồng.

- Lần 3: mua 04 phần giá 86.000.000 đồng.

- Lần 4: bà mua 01 phần giá 15.750.000 đồng.

Các lần mua hui, bà không xác định thời gian mua khi nào. Nay bà yêu cầu bà Trương Thị T trả cho bà số tiền 172.450.000 đồng.

\* *Bị đơn Trương Thị T trình bày:*

Bà không có bán hui cho bà Trương Thị Đ như bà Đ trình bày, nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Trước đây, mỗi khi bán hui thì giữa hai bên có làm giấy tờ và ký tên. Còn tờ giấy bà Đ nộp là cuốn sổ ghi nhưng do không có nhận tiền nên bà không có ký tên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn Trương Thị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Năm 2019, bà mua của bà Trương Thị T 08 phần hui trong dây hui khui ngày 18/01/2019 (âm lịch), hui 2.000.000 đồng/tháng gồm 20 phần. Cụ thể: lần 1 mua 02 phần với số tiền là 46.000.000 đồng; lần 2 mua 01 phần với số tiền 24.700.000 đồng; lần 3 mua 04 phần với số tiền 86.000.000 đồng và lần 4 mua 01 phần với số tiền 15.750.000 đồng. Các lần mua hui, bà không xác định được thời gian mua, không làm biên nhận. Bà mua hui dùm chị Nguyễn Thị Ngọc M (tên thường gọi P), nhưng không nói cho chị Mỹ biết bà mua hui của bà Trương Thị T.

[2] Bị đơn Trương Thị T không thừa nhận giữa bà với bà Trương Thị Đ có thỏa thuận việc mua hui của dây hui khui ngày 18/01/2019 al như bà Đ trình bày. Bà thừa nhận chữ viết trong cuốn sổ do bà Đ cung cấp là chữ của bà, nhưng do bà Đ không giao tiền, nên bà không có ký tên và ghi số tiền mua hui. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ.

[3] Tại bản tường trình ngày 06/8/2020 và tại phiên tòa, người làm chứng Nguyễn Thị Ngọc M xác định: chị không nhờ bà Trương Thị Đ mua hui dùm của bà Trương Thị T, việc mua bán hui giữa bà Trương Thị Đ và bà Trương Thị T, chị không biết và cũng không chứng kiến. Chị chỉ mua hui do bà Trương Thị Đ làm đầu thảo.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị Đ cung cấp 01 cho Tòa án 01 cuốn sổ, trong đó có 01 trang giấy có ghi nội dung “*hui 18 = mua 3p; 2 triệu; 18 mua + lai; 8 phần*” và bà Đ xác định đây là giấy mua bán hui giữa bà với bà Trương Thị T.

[5] Xét, yêu cầu khởi kiện của bà Đ là không có căn cứ. Bởi lẽ, bà Trương Thị T không thừa nhận có việc mua bán hui với số tiền 172.450.000 đồng như bà Đ trình bày. Hơn nữa, mảnh giấy bà Trương Thị Đ cung cấp không thể hiện số tiền mua hui, số phần hui mua, giá mỗi phần và không thể hiện người mua, người bán, không có người ký tên. Bà Trương Thị Đ cũng không cung cấp chứng cứ gì khác chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

[6] Bà Trương Thị Đ phải nộp 8.622.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà đã nộp 4.311.250 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017861 ngày 16/6/2020, nên còn phải nộp tiếp 4.311.250 đồng.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ về việc yêu cầu bà Trương Thị T trả số tiền mua hui là 172.450.000 đồng.

Về án phí: Bà Trương Thị Đ phải nộp 8.622.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 4.311.250 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017861 ngày 16/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp số tiền 4.311.250 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Lê Thị Hồng Tâm**